

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC ĐÁNH GIÁ CHO GIÁO VIÊN TIỂU HỌC TRONG ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN TIẾNG VIỆT CỦA HỌC SINH THEO HƯỚNG TIẾP CẬN NĂNG LỰC

• Nguyễn Văn Bản^(*)

Tóm tắt

Từ thực trạng năng lực đánh giá giáo dục của giáo viên tiểu học, bài báo chỉ ra những điểm mạnh và yếu về năng lực đánh giá giáo dục và đề xuất các biện pháp phát triển năng lực đánh giá giáo dục cho giáo viên như: tăng cường nhận thức về khoa học đánh giá; tập huấn bồi dưỡng, trao đổi, rút kinh nghiệm về đánh giá học sinh tiểu học sau mỗi giai đoạn học; bằng đặc trưng dạy học môn Tiếng Việt thông qua các tình huống học tập.

Từ khoá: Phát triển năng lực, năng lực đánh giá, đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt.

1. Đặt vấn đề

Đánh giá kết quả học tập của học sinh (HS) là hoạt động diễn ra trước, trong và ngay sau khi kết thúc một quá trình học tập. Ở cấp Tiểu học, năng lực học tập môn Tiếng Việt của HS chủ yếu được hình thành qua việc rèn luyện và phát triển các kĩ năng nghe, đọc, nói, viết thông qua các loại bài học (theo phân môn) của chương trình giáo dục. Trước năm học 2014-2015, đánh giá kết quả học tập của HS tiểu học nói chung, đánh giá kết quả học tập từng phân môn hoặc môn Tiếng Việt nói riêng được giáo viên (GV) thực hiện bằng việc kiểm tra xem HS hoàn thành nội dung kiến thức đã tiếp thu và làm bài kiểm tra đến mức độ nào để cho điểm theo thang điểm 10 (với 11 bậc từ điểm “0” đến điểm “10”, nhưng ở tiểu học, GV không được cho HS điểm “0”?!). Cách kiểm tra, đánh giá này chú trọng kiến thức và khả năng “thuộc bài” của HS hơn là đánh giá năng lực trong đó có cả kĩ năng vận dụng kiến thức của từng HS.

Từ năm học 2014-2015, với Thông tư 30/2014 (ngày 28 tháng 8 năm 2014) được bổ sung điều chỉnh bằng Thông tư 22/2016 (ngày 22/9/2016) và thể hiện ở văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 [1] của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), GV tiểu học bắt đầu thực hiện đánh giá HS theo hướng tiếp cận năng lực. Đây là bước phát triển cao hơn cách đánh giá chỉ chú trọng kiến thức, kĩ năng trước đó. Với cách đánh giá này, dựa vào Chuẩn kiến thức và kĩ năng [2] của mỗi môn học, mỗi lớp, GV (thông

qua đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì) sẽ nắm được từng HS của mình có năng lực đến đâu, biết nguyên nhân và phương pháp tác động để phát triển năng lực học tập của mỗi em. Tuy nhiên, khi thực hiện cách đánh giá mới theo các Thông tư trên, GV tiểu học còn nhiều khó khăn, lúng túng do chính năng lực đánh giá HS của mỗi người chưa như mong đợi.

Bài báo này nêu thực trạng năng lực đánh giá của GV trong đánh giá HS và biện pháp phát triển năng lực đánh giá của GV để thực hiện tốt việc đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt của HS tiểu học.

2. Nội dung

2.1. Năng lực và đánh giá kết quả học tập của HS theo tiếp cận năng lực

Năng lực là khả năng làm chủ kiến thức, kĩ năng, thái độ và đặc điểm của cá nhân vào thực hiện thành công những nhiệm vụ hoặc giải quyết hiệu quả những vấn đề đặt ra trong cuộc sống, lao động và học tập [3].

Đánh giá năng lực HS là đánh giá khả năng thực hiện, vận dụng; thông qua làm, qua hành động để đo đếm, xác định chứ không chỉ yêu cầu biết và hiểu. Thực hiện, vận dụng ở đây phải gắn với ý thức và thái độ; phải có kiến thức và kĩ năng, chứ không phải thực hiện một cách máy móc.

Đánh giá là quá trình thu thập, xử lí thông tin để định lượng và cả định tính kết quả công việc, hình thành những nhận định, rút ra những kết luận hoặc phán đoán về trình độ và phẩm chất của người học, hoặc đưa ra những quyết định về

^(*) Trường Đại học Đồng Tháp.

việc dạy học dựa trên những kết luận rút ra trong quá trình kiểm tra.

Đánh giá kết quả học tập được hiểu là đánh giá HS về học lực và hạnh kiểm thông qua quá trình học tập các môn học cũng như các hoạt động giáo dục khác.

Thông tư 30/2014 và Thông tư 22/2016 quy định hình thức đánh giá HS tiểu học thông qua những hoạt động quan sát, theo dõi, trao đổi, kiểm tra, nhận xét quá trình học tập, rèn luyện của HS; tư vấn, hướng dẫn, động viên HS rèn luyện; hình thành và phát triển một số năng lực, phẩm chất của HS tiểu học.

Cách đánh giá này không hoàn toàn chú trọng vào điểm số như trước đây mà chủ yếu là GV nhận xét kết quả học tập của HS (trong đánh giá thường xuyên) và kết hợp cho điểm với nhận xét khi đánh giá định kỳ (cuối học kỳ I và cuối năm học đối với các môn học: Tiếng Việt, Toán, Khoa học, Lịch sử, Địa lý, Ngoại ngữ, Tin học, Tiếng dân tộc; đối với lớp 4, lớp 5, có thêm bài kiểm tra định kỳ môn Tiếng Việt, môn Toán vào giữa học kỳ I và giữa học kỳ II).

2.2. Thực trạng năng lực đánh giá giáo dục của GV tiểu học

Muốn làm tốt việc đánh giá kết quả học tập của HS trước hết người GV phải có năng lực về lĩnh vực đánh giá. Năng lực này biểu hiện ở việc người GV có hiểu biết như thế nào về khoa học đánh giá. Năng lực này cũng thể hiện rõ khi GV phải dùng lời nói như thế nào để chỉ ra cho HS biết được chỗ đúng, chưa đúng và cách sửa chữa; viết nhận xét vào vở hoặc sản phẩm học tập của HS khi cần thiết. Năng lực đánh giá của GV còn thể hiện ở việc ra đề kiểm tra định kỳ có phù hợp với chuẩn kiến thức, kỹ năng và định hướng phát triển năng lực của HS hay không?

Vì thế, để có cái nhìn khái quát về năng lực của GV tiểu học ở lĩnh vực đánh giá giáo dục và đánh giá kết quả học tập của HS tiểu học nói chung, đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt nói riêng, chúng tôi đã khảo sát 200 GV tiểu học của một số trường tiểu học các tỉnh Đồng Tháp, Bến Tre, Sóc Trăng. Từ việc thống kê và phân

tích kết quả khảo sát, bước đầu chúng tôi có nhận xét năng lực đánh giá giáo dục của GV tiểu học có những điểm mạnh và điểm yếu nhất định cần phải được phát triển.

Điểm mạnh về năng lực đánh giá của GV tiểu học là họ đã có nhận thức nhất định về mục đích, yêu cầu, nội dung, phương pháp và kỹ thuật đánh giá năng lực và phẩm chất của HS qua mỗi giai đoạn giảng dạy. 100% số GV được khảo sát khẳng định đã được tập huấn về đánh giá HS trước khi thực hiện Thông tư 30/2014 và Thông tư 22/2016 của Bộ GD&ĐT. Hơn nữa qua hai năm thực hiện Thông tư 30/2014 (năm học 2014-2015; 2015-2016) với nhiều băn khoăn lo lắng thậm chí là thực hiện các yêu cầu đánh giá (Thông tư 30 gọi là “nguyên tắc đánh giá”) một cách đối phó, thì qua năm học thứ ba (năm học 2016-2017), sau khi Bộ GD&ĐT cho ra đời Thông tư 22/2016, GV tiểu học đã thực hiện việc đánh giá HS có hiệu quả hơn.

Tuy nhiên, kết quả khảo sát của chúng tôi cũng cho thấy GV tiểu học còn có những điểm yếu về năng lực đánh giá thể hiện ở các khía cạnh trong năng lực sau:

Thứ nhất, mức độ hiểu biết về khoa học đánh giá của GV còn hạn chế. Có 163/200 GV được khảo sát (chiếm 81,5%) khẳng định họ chưa được học tập hoặc nghiên cứu về khoa học đánh giá hoặc môn học “Đánh giá kết quả học tập của HS tiểu học” hay môn học “Đánh giá trong giáo dục tiểu học” trong chương trình đào tạo GV tiểu học tại các trường đào tạo GV. Nhiều GV cũng khẳng định ít khi hoặc không có điều kiện tiếp xúc với các tài liệu hướng dẫn về đánh giá HS theo hướng tiếp cận năng lực (171/200 GV được hỏi chiếm tỷ lệ 85,5%).

Thứ hai, mức độ nhận thức của GV tiểu học đối với mục đích, yêu cầu, nội dung, phương pháp và kỹ thuật đánh giá HS theo Thông tư 30/2014 và Thông tư 22/2016 cũng có hạn chế; chỉ có 86/200 (43%) GV được hỏi khẳng định nắm vững tinh thần cơ bản của các Thông tư; số GV còn lại 114/200 (57%) được hỏi cho rằng họ chưa hiểu và chưa đồng tình với tất cả các mục đích, yêu cầu cũng như nội dung, phương

pháp và kỹ thuật đánh giá HS nêu trong các Thông tư nhưng họ vẫn bắt buộc phải thực hiện.

Thứ ba, kỹ năng và kỹ thuật biên soạn đề kiểm tra định kỳ của GV cũng có hạn chế. Chỉ có một số GV (38/200 GV chiếm 19%) khẳng định nắm vững kỹ thuật xác định ma trận kiến thức và kỹ năng của môn học và có kỹ năng biên soạn đề kiểm tra phù hợp với chuẩn kiến thức và kỹ năng, còn số đông GV (81%) trả lời họ không nắm vững kỹ thuật và kỹ năng biên soạn đề kiểm tra định kỳ.

Thứ tư, yêu cầu dùng lời nhận xét trong đánh giá thường xuyên với HS cũng làm GV gặp khó khăn vì phải lựa chọn cách nói, cách viết sao cho hiệu quả.

Nguyên nhân của những điểm yếu trên có thể có nhiều, xét theo góc độ chủ quan của GV cũng như khách quan. Về chủ quan của GV, chúng tôi cho rằng, nhiều GV đã quen với cách đánh giá HS bằng điểm số từ rất nhiều năm qua và họ đã không kịp chuyển đổi thói quen và cả sự nhận thức trước yêu cầu đổi mới của ngành giáo dục.

Về khách quan, phân tích theo từng điểm yếu trong năng lực đánh giá của GV, chúng tôi cho rằng có các nguyên nhân chính sau:

Một là, sự hạn chế của GV trong nhận thức về khoa học đánh giá hoặc đánh giá trong giáo dục là do các trường đào tạo GV chỉ mới đưa môn học này vào chương trình từ khoảng năm 2006 trở về sau khi Bộ GD&ĐT công bố chương trình khung đào tạo GV tiểu học trình độ đại học. Nên các GV tiểu học tốt nghiệp sư phạm từ năm 2006 trở về trước không được nghiên cứu học tập môn học này. Đồng thời, môn học này khi đưa vào chương trình học theo hệ thống tín chỉ (từ sau năm 2008), do thời lượng đào tạo giảm nhiều nên hầu hết các trường đào tạo GV đưa môn học này vào nhóm môn học tự chọn. Và hệ quả của nó là sinh viên ít chọn học môn này vì không hiểu cũng như không được tư vấn đầy đủ về tầm quan trọng của môn học trong giáo dục tiểu học. Mặt khác, chương trình bồi dưỡng thường xuyên (BDTX) cho GV cũng chưa tổ chức cho GV tiểu học tiếp cận đầy đủ về khoa học đánh giá trong giáo dục tiểu học.

Hai là, mức độ nhận thức của GV đối với mục

đích, yêu cầu, nội dung, phương pháp và kỹ thuật đánh giá kết quả học tập của HS còn hạn chế do hình thức tập huấn cho GV trước khi thực hiện các Thông tư chưa hợp lý. Hầu hết GV ở các trường tiểu học được tập huấn qua “trung gian”. Với Thông tư 30/2014, Bộ GD&ĐT không sử dụng đội ngũ giảng viên các trường đào tạo GV tiểu học tham gia tập huấn và triển khai thực hiện Thông tư mà do phòng Giáo dục Tiểu học của Sở GD&ĐT chủ trì cử cán bộ quản lý và GV tiểu học đi tập huấn rồi về triển khai cho đội ngũ cốt cán của địa phương; đội ngũ đó về tập huấn lại cho GV trường mình hoặc cụm trường tiểu học gần nhau. Bản thân đội ngũ cốt cán này cũng có hạn chế khi tiếp thu tinh thần cơ bản của Thông tư nên khi triển khai tập huấn cho GV ở cơ sở chưa có hiệu quả. Chỉ khi Thông tư 22/2016 ra đời, Bộ GD&ĐT mới yêu cầu các trường sư phạm cử giảng viên đi tập huấn Thông tư do Vụ Giáo dục Tiểu học chủ trì triển khai trong 4 ngày (mỗi trường cử 11 giảng viên gắn với 11 môn học của chương trình tiểu học). Nhưng điều đáng nói là, sau khi tập huấn về, việc triển khai tập huấn cho đội ngũ GV cốt cán của địa phương (tỉnh, thành trực thuộc trung ương) lại không được chu đáo. Nhiều nơi, GV cốt cán của tỉnh chỉ được tập huấn một ngày (lí do là không có kinh phí ?!) và sau đó, các GV này về triển khai tập huấn cho GV tiểu học của trường mình hay cụm trường chỉ có một buổi thậm chí chưa đầy một buổi. Khi được hỏi về thời lượng tham gia tập huấn để triển khai Thông tư, có 147/200 GV (73,5%) cho biết mình được tập huấn 01 buổi; được tập huấn 02 buổi là 34/220 người (17%); được tập huấn 02 ngày là 19/200 người (9,5%). Như vậy, cách tập huấn qua “trung gian” và giảm dần thời gian từ tập huấn ở trung ương về địa phương đã dẫn đến hệ quả GV không hiểu đầy đủ Thông tư.

Ba là, năng lực biên soạn đề kiểm tra định kỳ của GV còn hạn chế cũng có nguyên nhân do quy trình tổ chức biên soạn đề kiểm tra định kỳ chưa giúp số đông GV được rèn luyện kỹ năng biên soạn đề kiểm tra theo hướng dẫn trong các Thông tư. Khi được hỏi “Bạn có tham gia giới thiệu đề kiểm tra định kỳ không”, chúng tôi được biết chỉ có 35,5% ý kiến cho rằng GV dạy trong cùng tổ,

khối giới thiệu đề theo ma trận kiến thức và kỹ năng mà tổ, khối trường đã thống nhất; sau đó, tổ trường hoặc khối trường tập hợp lại cấu trúc thành 02 đề và hướng dẫn chấm gửi cho phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn phê duyệt lựa chọn để làm đề kiểm tra. Còn lại 65,5% GV cho rằng chỉ có tổ hoặc khối trường là người chịu trách nhiệm giới thiệu đề kiểm tra định kì. Chính vì vậy, nhiều GV không hiểu các khái niệm về ma trận kiến thức và kỹ năng môn học cũng như thiếu kỹ năng và kỹ thuật biên soạn đề kiểm tra định kì.

Bốn là, nhiều GV dù đã dạy học nhiều năm ở tiểu học nhưng kỹ năng giao tiếp, nhất là kỹ năng sử dụng lời nói để đánh giá HS còn khó khăn do ít chú ý trau dồi ngôn ngữ giao tiếp. Vì vậy, khi cần phải dùng lời nói để nhận xét HS thậm chí ghi vào vở hoặc sản phẩm của HS thì GV rất lúng túng.

2.3. Các biện pháp phát triển năng lực cho GV đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt lớp 5

Từ thực trạng năng lực đánh giá giáo dục của GV tiểu học với những điểm mạnh, yếu nêu trên, chúng tôi đề xuất các biện pháp phát triển năng lực đánh giá cho GV.

2.3.1. Biện pháp tăng cường nhận thức về khoa học đánh giá trong giáo dục tiểu học cho GV

Muốn thực hiện một công việc có hiệu quả trước hết cần hiểu đầy đủ về khoa học liên quan. Khoa học đánh giá có nhiệm vụ trang bị lý luận về đánh giá và chỉ ra cho GV đường hướng, cách thức vận dụng phù hợp với yêu cầu và thực tiễn giáo dục tiểu học nói chung cũng như đánh giá ở từng bài học, môn học nói riêng. Nếu hầu hết GV tiểu học đã được trang bị kiến thức và kỹ năng vận dụng khoa học đánh giá vào thực tiễn giáo dục tiểu học trước khi Bộ GD&ĐT triển khai Thông tư 30/2014 thì sẽ không có sự phản ứng mạnh mẽ mang tính đối phó của GV tiểu học khi thực hiện ở hai năm học 2014-2015 và 2015-2016. Phát triển năng lực nhận thức về khoa học đánh giá trong giáo dục cho GV, các cấp quản lý giáo dục và các trường tiểu học cần giúp GV tiếp cận với khoa học này bằng nhiều cách sau:

Một là, cơ sở giáo dục tiểu học có thể phối hợp với cơ sở đào tạo GV mở các lớp chuyên đề

nghiên cứu về khoa học đánh giá trong giáo dục tiểu học cho GV tiểu học ở từng cụm trường để trang bị cơ sở lý luận về đánh giá trong giáo dục tiểu học.

Hai là, chương trình BDTX cho GV nên đưa vào chuyên đề đánh giá giáo dục theo hướng GV được cung cấp tài liệu nghiên cứu và cán bộ quản lý trường tiểu học có trách nhiệm tổ chức cho GV trường mình hội thảo, seminar chia sẻ về nhận thức cũng như trao đổi việc áp dụng khoa học đánh giá sao cho hiệu quả trong nhà trường. Nếu cần, các trường có thể mời chuyên gia hoặc giảng viên của trường sư phạm tham gia thảo luận, giải đáp thắc mắc để hoạt động tự bồi dưỡng của GV đạt hiệu quả.

2.3.2. Biện pháp phát triển năng lực đánh giá của GV qua tập huấn bồi dưỡng, trao đổi, rút kinh nghiệm về đánh giá HS tiểu học sau mỗi giai đoạn học

Năng lực đánh giá của GV được hình thành từ nhiều yếu tố khác nhau như kiến thức, kỹ năng và các yếu tố khác thuộc phẩm chất cá nhân của người GV như niềm tin, ý chí, sự mong đợi hoàn thành tốt công việc đánh giá. Muốn đánh giá đúng kết quả học tập của HS, trước hết, GV cần không chỉ nắm vững mà còn phải biết vận dụng đúng và linh hoạt mục đích, yêu cầu, nội dung, phương pháp và kỹ thuật đánh giá HS đã được Bộ GD&ĐT nêu trong Thông tư 30/2014 và Thông tư 22/2016.

Vì vậy, các cấp quản lý như sở và phòng GD&ĐT cũng như cơ sở giáo dục chỉ tổ chức tập huấn cho GV trong một hoặc hai buổi để thực hiện Thông tư chưa đảm bảo cho GV nắm vững tinh thần cơ bản của Thông tư cũng như vận dụng cho đúng khi đánh giá HS. Căn cứ vào kết quả khảo sát và sự phân tích nguyên nhân về thực trạng năng lực đánh giá của GV tiểu học nêu trên, chúng tôi nhận thấy, các trường tiểu học cần có sự khảo sát và phân loại năng lực của GV để tổ chức bồi dưỡng nhằm phát triển năng lực đánh giá của GV cho phù hợp. Chúng tôi cho rằng nên chia GV mỗi trường thành ba nhóm bồi dưỡng.

Một là, nhóm GV (số đông) cần được bồi dưỡng để có nhận thức đúng về mục tiêu, yêu cầu, nội dung đánh giá kết quả học tập của HS (cả về phẩm chất và năng lực). Thông tư 30/2014

và Thông tư 22/2016 đã nêu rõ mục đích của việc đánh giá là nhằm giúp GV đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, khuyến khích HS phát huy năng lực học tập... GV cũng phải nắm vững yêu cầu của đánh giá: (1) Đánh giá toàn diện HS thông qua đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng học tập Tiếng Việt và một số biểu hiện năng lực, phẩm chất của HS theo mục tiêu giáo dục tiểu học; (2) Kết hợp đánh giá của GV, HS, cha mẹ HS, trong đó đánh giá của GV là quan trọng nhất; (3) Đánh giá sự tiến bộ của HS, không so sánh HS này với HS khác, không tạo áp lực cho HS, GV và cha mẹ HS.

Đồng thời, GV phải nắm vững nội dung đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì, đặc biệt phải nắm vững đánh giá định kì về học tập, GV căn cứ vào quá trình đánh giá thường xuyên và chuẩn kiến thức, kỹ năng để đánh giá HS đối với môn học Tiếng Việt theo các mức: (1) Hoàn thành tốt: thực hiện tốt các yêu cầu học tập của môn học hoặc hoạt động giáo dục; (2) Hoàn thành: thực hiện được các yêu cầu học tập của môn học hoặc hoạt động giáo dục; (3) Chưa hoàn thành: chưa thực hiện được một số yêu cầu học tập của môn học hoặc hoạt động giáo dục.

Hai là, nhóm GV chưa nắm vững kỹ thuật và chưa có kỹ năng biên soạn đề kiểm tra định kì thì cần được tập huấn riêng về kỹ thuật biên soạn đề kiểm tra. Nội dung tập huấn phải giúp GV có kỹ thuật xác định ma trận kiến thức và kỹ năng của môn Tiếng Việt ở mỗi lớp để đối chiếu với chuẩn kiến thức, kỹ năng và định hướng phát triển năng lực, gồm các câu hỏi, bài tập được thiết kế theo các mức như sau: “Mức 1: nhận biết, nhắc lại được kiến thức, kỹ năng đã học; Mức 2: hiểu kiến thức, kỹ năng đã học, trình bày, giải thích được kiến thức theo cách hiểu của cá nhân; Mức 3: biết vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề quen thuộc, tương tự trong học tập, cuộc sống; Mức 4: vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết vấn đề mới hoặc đưa ra những phân hồi hợp lý trong học tập, cuộc sống một cách linh hoạt”.

2.3.3. Biện pháp phát triển năng lực đánh giá

của GV bằng đặc trưng dạy học môn Tiếng Việt thông qua các tình huống học tập

Tình huống là một câu chuyện, có cốt chuyện và nhân vật, liên hệ đến một hoàn cảnh cụ thể, từ góc độ cá nhân hay nhóm và thường là hành động chưa hoàn chỉnh. Đó là một câu chuyện cụ thể và chi tiết, chuyển nét sống động và phức tạp của đời thực vào lớp học. Một tình huống hoặc tình huống mang tính thời sự, có sức hấp dẫn đối với HS. Để giải quyết được, HS phải huy động vốn kinh nghiệm, khả năng cập nhật thông tin, vận dụng kỹ năng hợp tác... Mục đích chính của các tình huống là trao đổi, học hỏi kinh nghiệm giải quyết vấn đề lẫn nhau. Với từng tình huống khác nhau, HS luôn được đặt ở vị trí phải đưa ra quyết định, trong đó có sự hỗ trợ của các thành viên hoặc chính cá nhân tự giải quyết. Mỗi tình huống cần có sự đa dạng, hấp dẫn để khuyến khích người học phát huy tính chủ động, óc sáng tạo, đem đến sự thoải mái về mặt tinh thần khi tham gia. Một bài học sẽ được rút ra sau khi tình huống được giải quyết, từ đó, HS có thể tiếp thu nội dung kiến thức bài giảng dễ dàng, sâu và nhớ lâu một cách chủ động. Tình huống Tiếng Việt là những vấn đề được nêu ra liên quan đến các kỹ năng sử dụng tiếng Việt thông qua các vai diễn của các em. Do đó, qua các tình huống học tập Tiếng Việt, GV sẽ có cơ hội nhận xét năng lực của HS cụ thể hơn và đó cũng chính là cách để GV hoàn thiện năng lực dùng lời nhận xét khi đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt của HS.

4. Kết luận

Đánh giá là khâu rất quan trọng trong quá trình dạy và học. Thông qua đánh giá, GV kích thích sự cố gắng phấn đấu của HS. Vì vậy, đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực của người học là một yêu cầu cấp thiết để nâng cao chất lượng giáo dục.

Tuy nhiên, muốn đánh giá đúng kết quả học tập của HS nói chung, đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt nói riêng, người GV cần phải có năng lực đánh giá. Khi đã có năng lực đánh giá tốt, GV sẽ tiến hành đánh giá kết quả học tập của HS một cách chính xác, nghiêm túc, công bằng và khách quan./.

Tài liệu tham khảo

[1]. Bộ GD&ĐT (2014), Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT, ngày 28/8/2014 của Bộ GD&ĐT, *Ban hành Quy định đánh giá HS tiểu học*.

[2]. Bộ GD&ĐT (2009), *Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức kỹ năng các môn học ở Tiểu học*, NXB Giáo dục.

[3]. Phó Đức Hoà (2013), *Đánh giá trong giáo dục tiểu học*, NXB Giáo dục & NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

[4]. Trần Thị Hiền Lương (2015), *Đổi mới kiểm tra, đánh giá môn Tiếng Việt ở Tiểu học theo hướng phát triển năng lực*, Kỷ yếu hội thảo Đánh giá HS theo hướng tiếp cận năng lực.

DEVELOPING PRIMARY TEACHERS' ASSESSMENT CAPACITY IN ASSESSING STUDENTS' VIETNAMESE LANGUAGE LEARNING OUTCOMES BASED ON THE COMPETENCY APPROACH**Summary**

On investigating primary school teachers' assessment capacity, the article highlights the their strengths and weaknesses in this capacity, and thereby proposes measures for improvement among them such as: elevate awareness of science assessment; provide workshops, conferences on primary learning assessment after each period of study; characterize Vietnamese language teaching through learning situations.

Keywords: Capacity development, assessment capacity, assessing Vietnamese language learning outcomes.

Ngày nhận bài: 25/12/2017; Ngày nhận lại: 8/2/2018; Ngày duyệt đăng: 15/3/2018.